CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

Ngày 30/09/2025	4,910 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**48.8%**	**35.3%**

DT thuần
Q3/25
4.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.30| -7.0%
YoY: ▼0.32| -7.5%

LN thuần
Q3/25
6.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.49| 125%
YoY: ▲ 3.94| 168%

LN sau thuế
Q3/25
5.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.97| 106%
YoY: ▲ 3.41| 144%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
157%
YoY: +/-▲ 92.0%

ROE (TTM)
Q3/25
1.7%
YoY: +/-▲ 0.3%

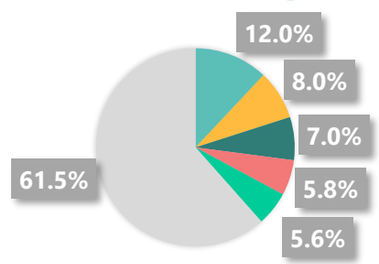
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,830 - 6,070
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	470
Số lượng CPLH (CP)	95,684,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	839,395
Sở hữu nước ngoài	2.9%
Beta	1.03
EPS	189
P/E	26.0

DT thuần
9T 2025
12.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60| -4.8%

LN thuần
9T 2025
16.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.83| 92.5%

LN sau thuế
9T 2025
15.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.18| 109%

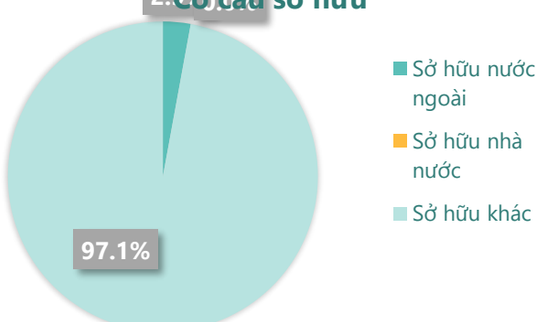
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Gia Bảo (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Thai Invest International
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư KGB
- Nguyễn Nhân Bảo (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

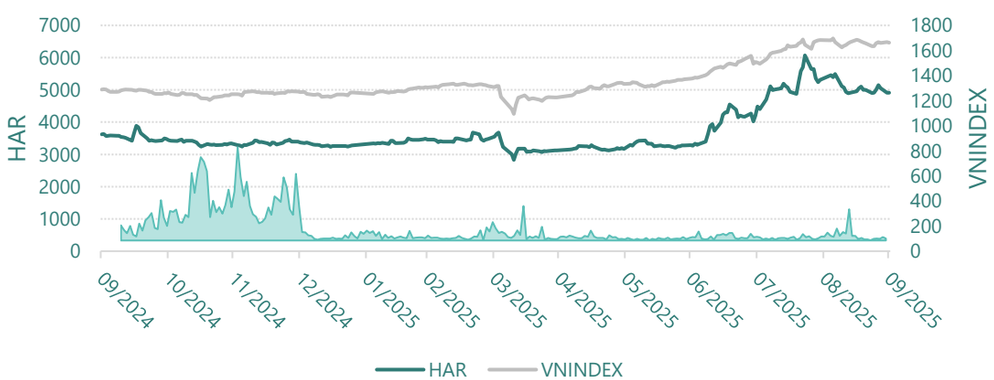
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



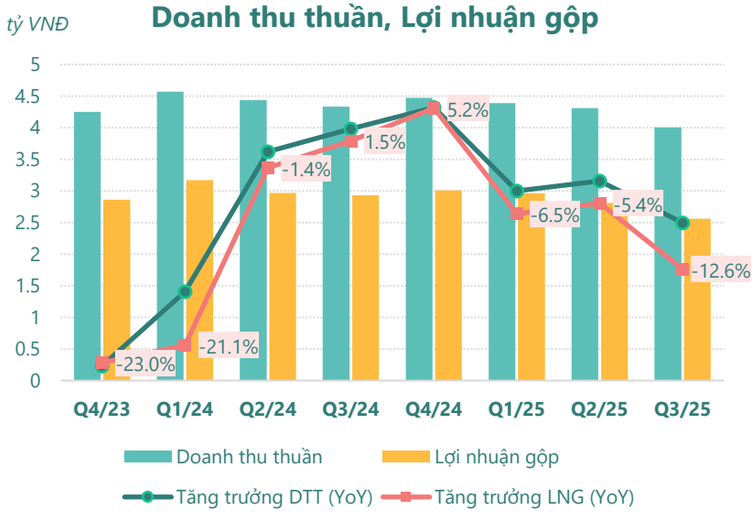
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



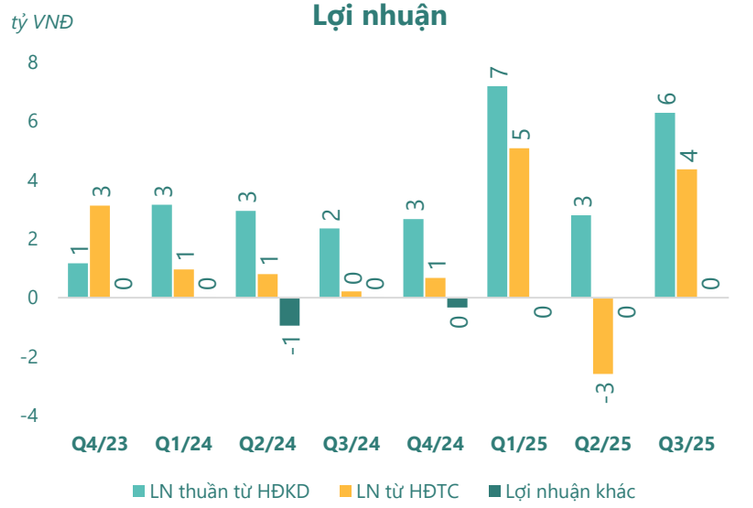
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



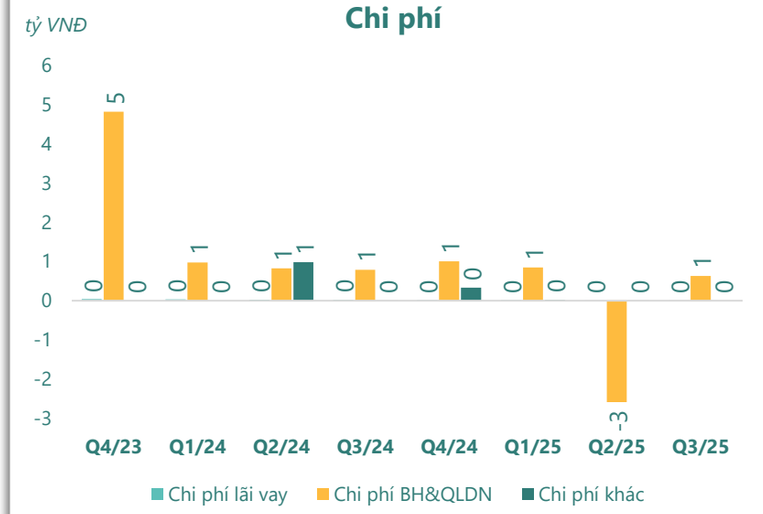
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



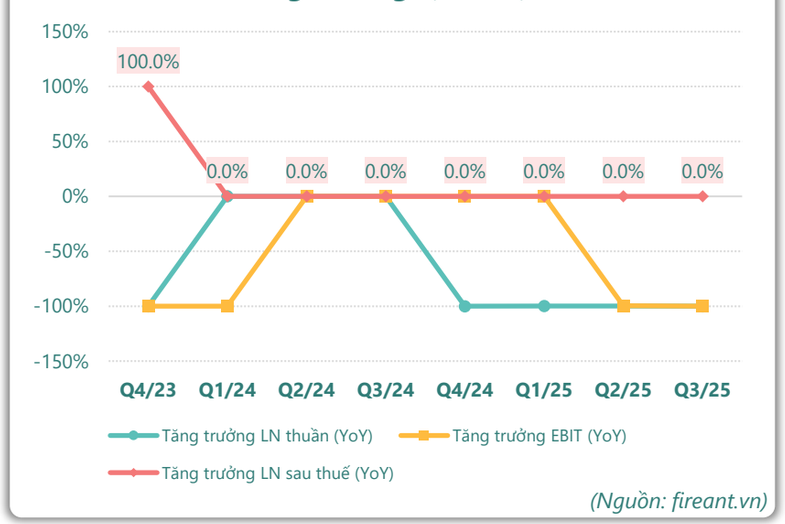
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



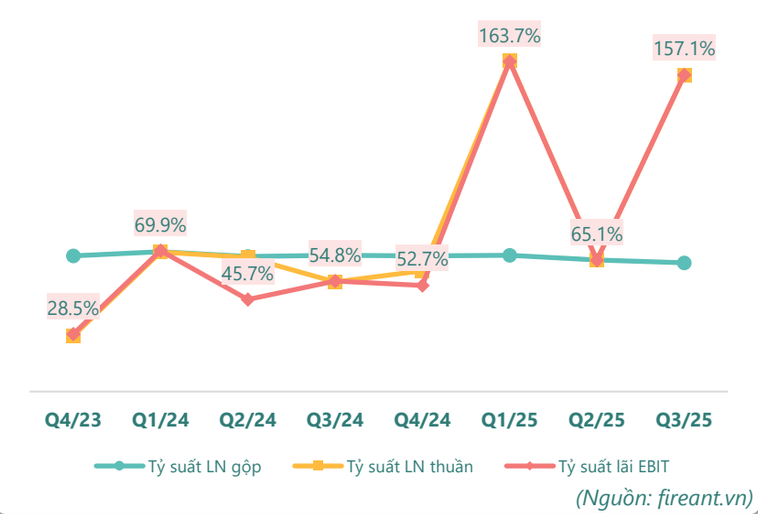
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



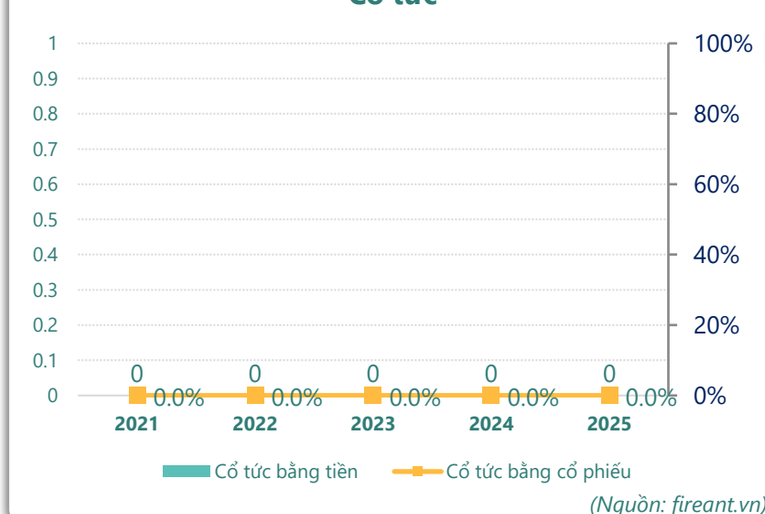
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

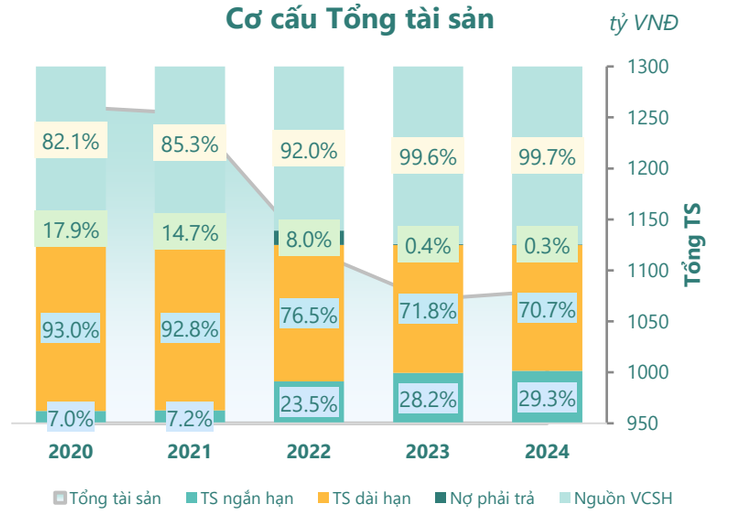
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

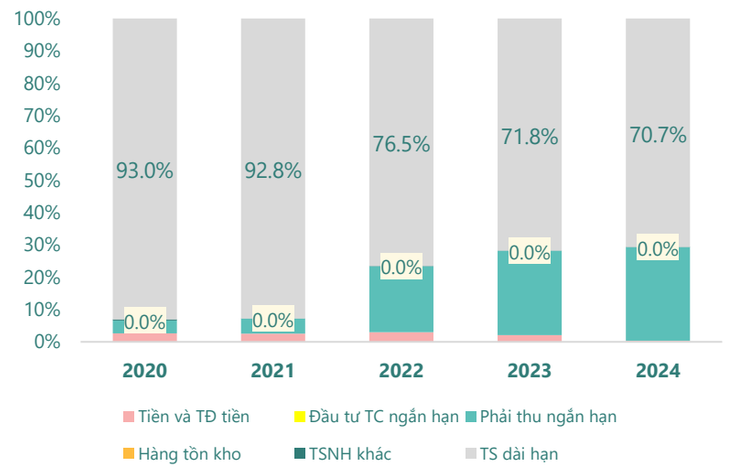
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



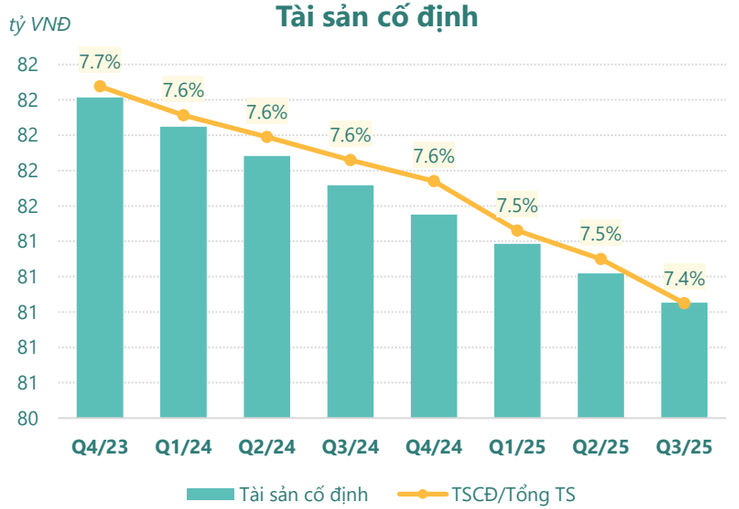
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



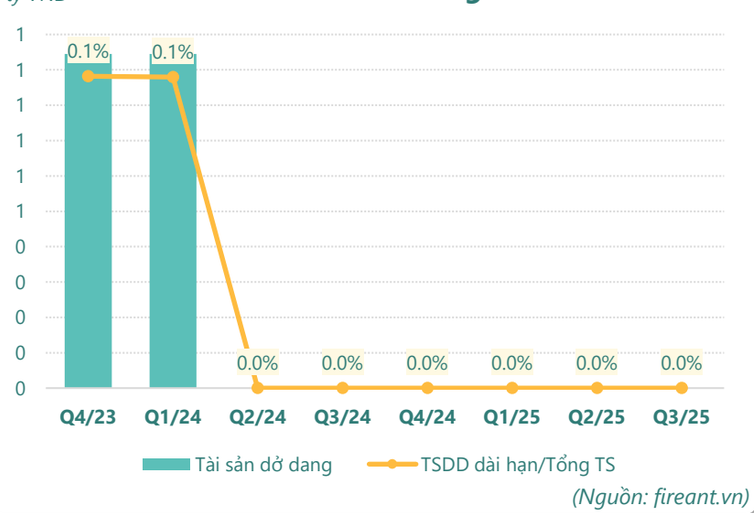
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



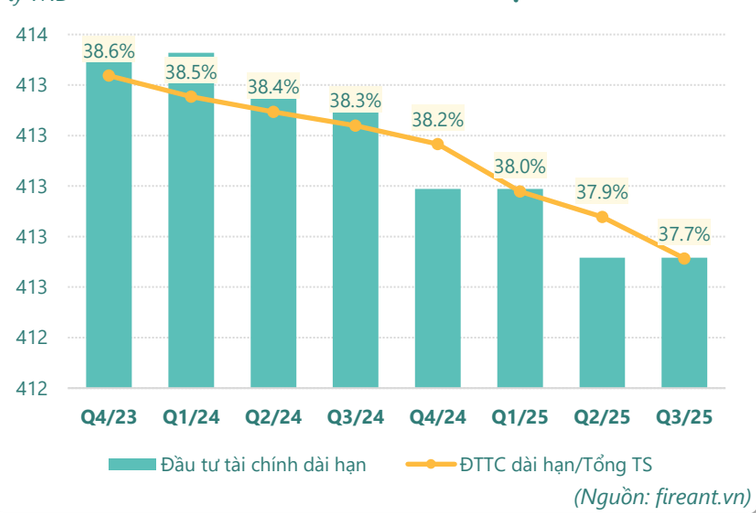
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



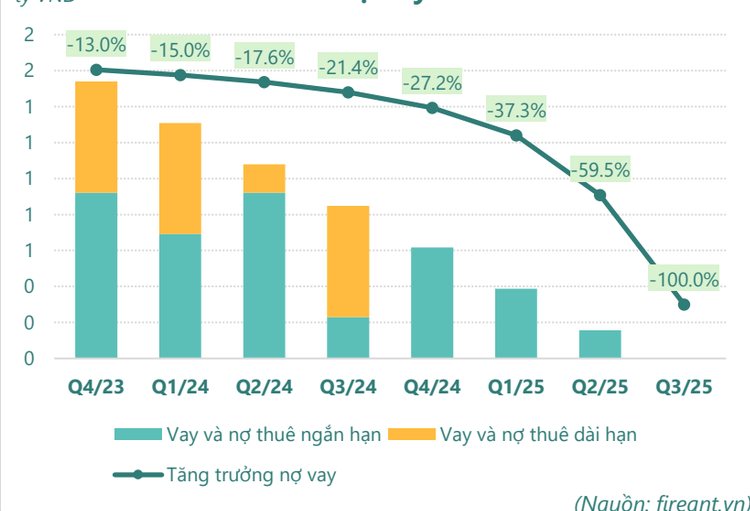
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

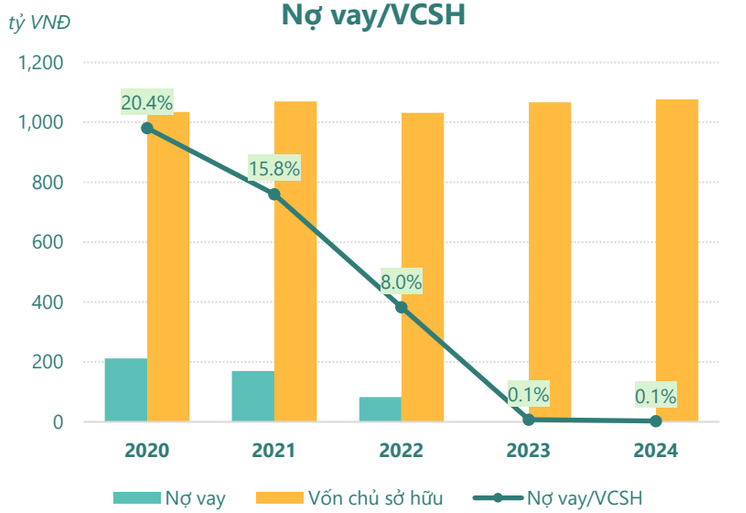
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

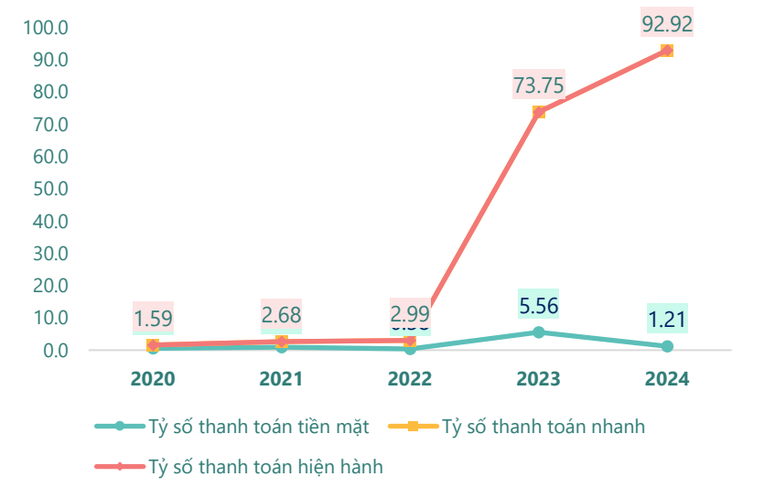
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



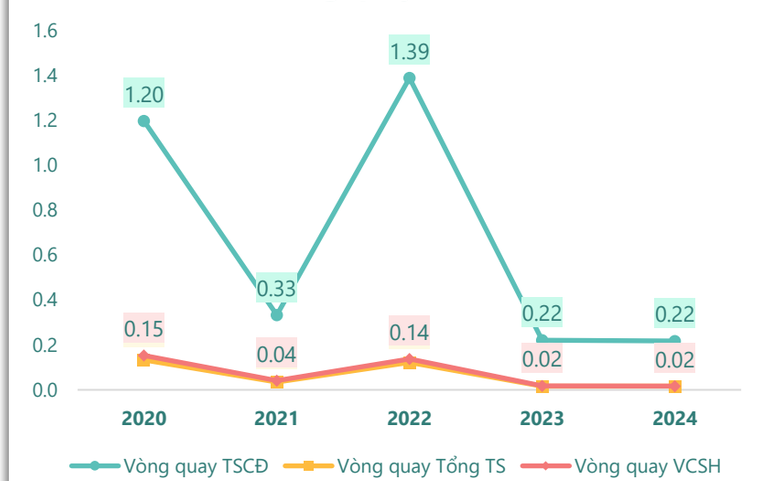
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



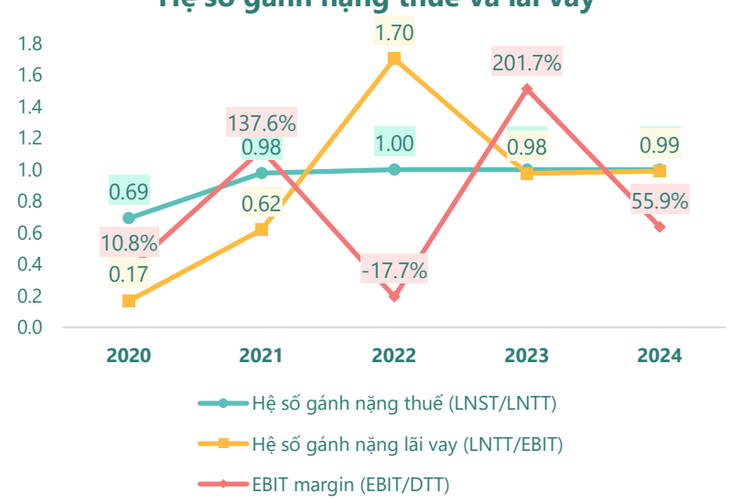
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



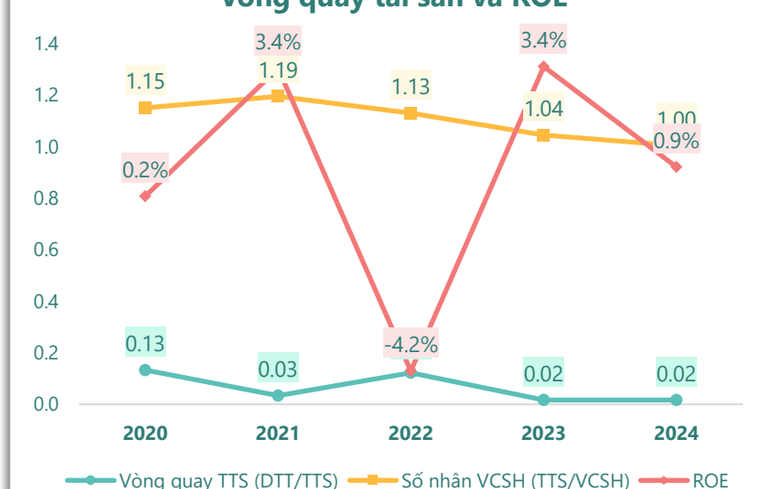
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



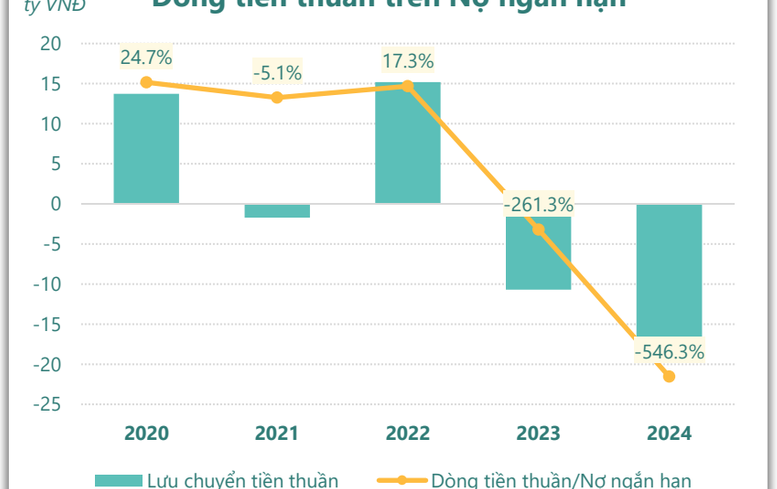
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.01**	**4.33**	**-7.5%**	**12.7**	**13.3**	**-4.8%**
Giá vốn hàng bán	1.45	1.40	3.4%	4.37	4.27	2.3%
Lợi nhuận gộp	2.56	2.93	-12.7%	8.33	9.07	-8.1%
Doanh thu HĐTC	4.37	0.23	1798%	7.14	2.23	221%
Chi phí TC	0.00	0.02	-93.7%	0.29	0.25	17.9%
Chi phí lãi vay	0.00	0.02	-93.7%	0.02	0.08	-79.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.63**	**0.79**	**-20.2%**	**-1.11**	**2.59**	**-143%**
LN thuần từ HĐKD	6.29	2.35	168%	16.3	8.47	92.5%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.02**	**-0.95**	**97.5%**
LN trước thuế	6.29	2.36	167%	16.3	7.52	116%
Lợi nhuận sau thuế	**5.77**	**2.36**	**144%**	**15.7**	**7.52**	**109%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.77**	**2.36**	**144%**	**15.7**	**7.52**	**109%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.27	9.80	0.67	5.74	9.01	6.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-10.0	-20.0	0	0	5.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.16
Tiền đầu kỳ	23.1	24.1	23.7	4.13	9.64	18.4
Lưu chuyển tiền thuần	**1.04**	**-0.43**	**-19.6**	**5.51**	**8.78**	**11.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.1	23.7	4.13	9.64	18.4	29.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,096**	**1,080**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	337	317	6.3%
Tiền và tương đương tiền	29.8	4.13	621%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	307	313	-1.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.15	-95.7%
Tài sản dài hạn	**759**	**763**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	81.1	81.6	-0.6%
Bất động sản đầu tư	265	268	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.62	3.41	6.1%
Nợ ngắn hạn	**3.62**	**3.41**	**6.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.75	-0.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,092**	**1,077**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,092**	**1,077**	**1.5%**
Vốn điều lệ	1,014	1,014	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)